TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **47**/2023/DS-ST
Ngày 21 – 8 – 2023
"V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và ông Phạm Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-DS ngày10tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/QĐST- DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Truyền T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Nguyễn Truyền T: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp K, xã Đ T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2023.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1973 và chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Bà D có mặt; vợ chồng anh Th, chị L vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày yêu cầu như sau:

Vợ chồng bà có bán vật tư nông nghiệp tại ấp K, xã Đ T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang, trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2013, gia đình bà có bán phân bón thuốc trừ sâu và lúa giống cho vợ chồng anh Bùi Văn Th mua thiếu , đến ngày 26/6/2021 thì có đối chiếu nợ và anh Bùi Văn Th có viết giấy biên nhận nợ, nợ lại vợ chồng bà số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 25/12/2022 âm lịch trả 10.000.000 đồng, đến ngày 25/5/2022 âm lịch trả 10.000.000 đồng, nếu không đúng như thời gian nêu trên thì thỏa thuận trả lãi 2%/tháng trên tổng số tiền 20.000.000 đồng.

Vì vậy, nay vợ chồng bà làm đơn khởi kiện này đến Toà án Nhân Dân huyện An Biên yêu cầu giải quyết buộc anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Ngọc L trả cho vợ chồng bà số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày ký biên nhận nợ là ngày 26/6/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến Tòa án tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán 20 000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Tại phiên tòa chỉ yêu cầu anh Th có nghĩa vụ trả 20.000.000đ. Còn đối với bị đơn anh Th và chị L vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng theo trình tự Bộ luật luật tố tụng dân sự. Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với đương sự tham gia giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Th, chị L.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Vợ chồng ông T, bà D khởi kiện yêu cầu anh Th trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản".

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Th, chị L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án: Vợ chồng ông T, bà D yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh Th có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày ký biên nhận nợ là ngày 26/6/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử thì bị đơn anh Th không có trình bày ý kiến hay phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận nợ lập ngày 26/6/2021 và biên bản xác minh của chính quyền địa phương ấp Kinh 1B đều thể hiện việc vào ngày 26/6/2021 thì anh Bùi Văn Th có thừa nhận nợ vợ chồng chị D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và cam kết tới ngày 25/10/2021 âm lịch sẽ trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và đến ngày 25/5/2022 âm lịch sẽ trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tuy nhiên khi đến hạn thì anh Th không trả nợ nên vợ chồng chị D khởi kiện ra Tòa án, xét thấy việc anh Th ký nhận tờ cam kết trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, các bên đã tự nguyện thỏa thuận về thời hạn trả nợ với nhau, tuy nhiên đến hạn anh Th không thực hiện nên phía nguyên đơn tiếp tục khởi kiện ra Tòa án, từ đó có thể xác định việc anh Bùi Văn Th còn nợ lại vợ chồng ông T, bà D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận nên cần buộc bị đơn anh Bùi Văn Th có nghĩa vụ thanh toán số nợ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho nguyên đơn và đồng thời trả lãi phát sinh từ ngày ký nhận biên nhận nợ là ngày 26/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 02

năm 01 tháng 25 ngày. Căn cứ các Điều 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự và tại phiên tòa chị D yêu cầu lãi suất tính lãi là 10%/năm, do đó thì thời gian được tính là 02 năm 01 tháng 25 ngày và mức lãi suất được tính là 10%/năm, cụ thể như sau: 20.000.000đ x 10%/năm x (02 năm 01 tháng 25 ngày) = 4.612.333đ, làm tròn 4.612.000đ (Bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

Riêng đối với chị Nguyễn Ngọc L, tại phiên tòa nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ liên đới thanh toán 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với anh Bùi Văn Th. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chị L có nghĩa vụ liên đới với anh Bùi Văn Th trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Do quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của phía nguyên đơn nên HĐXX không đề cập xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ các Điều 430, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Th có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 4.612.000đ (Bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí của vụ án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Bùi Văn Th phải nộp án phí sơ thẩm là: 24.612.000đ x 5% = 1.230.600đ, làm tròn 1.231.000đ (Một triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 430, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Truyền T và bà Nguyễn Thị D.

Buộc anh Bùi Văn Th có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Truyền T và bà Nguyễn Thị D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 4.612.000đ (Bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng), tổng cộng là 24.612.000đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

Về thời gian thanh toán: Khi nào bản án có hiệu lực pháp luật thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc anh Bùi Văn Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.231.000đ (Một triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Truyền T và bà Nguyễn Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0003874 ngày 10/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/8/2023). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.`

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm